BỘ CÔNG THƯƠNG -------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: 34/2026/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026*

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA THUỘC TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

b) Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

c) Các tổ chức đánh giá sự phù hợp tham gia hoạt động đánh giá sự phù hợp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Điều 2. Nội dung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Bộ Công Thương bao gồm các hoạt động sau:

1. Xây dựng Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao.

2. Cập nhật và chia sẻ thông tin, dữ liệu.

3. Truy xuất nguồn gốc.

4. Ghi nhãn hàng hóa.

5. Bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

6. Đánh giá an toàn đối với sản phẩm, hàng hóa mới hoặc lần đầu xuất hiện trên thị trường Việt Nam.

7. Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý nhà nước.

8. Thu hồi quyết định chỉ định.

9. Kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

10. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

11. Khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường.

12. Các hoạt động khác về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trình tự, thủ tục xây dựng Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao

1. Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương được Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành theo trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao của Bộ Công Thương được công bố công khai trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương và kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia; Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

2. Trình tự, thủ tục xây dựng Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao

a) Trên cơ sở các nguyên tắc, phân loại, phương pháp xác định mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa được quy định tại Điều 4 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, các đơn vị thuộc Bộ rà soát, đánh giá, xác định mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý. Việc xác định sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao phải bảo đảm quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP;

b) Căn cứ kết quả đánh giá, xác định mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa được quy định tại điểm a khoản này, các đơn vị thuộc Bộ xây dựng Hồ sơ xác định mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao kèm theo mã số HS phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, gắn với yêu cầu quản lý chất lượng tương ứng và gửi Hồ sơ về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công;

c) Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ về dự thảo Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao để xem xét, gửi lấy ý kiến của Bộ khoa học và Công nghệ; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ xử lý các ý kiến góp ý; hoàn thiện dự thảo Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao;

d) Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu quản lý bao gồm cả việc phát sinh sản phẩm, công nghệ mới, cảnh báo trong nước và quốc tế về rủi ro của sản phẩm, hàng hóa, các đơn vị thuộc Bộ rà soát, đánh giá, xác định mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa; xây dựng hồ sơ xác định mức độ rủi ro và gửi đề xuất danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao sửa đổi, bổ sung kèm theo hồ sơ xác định mức độ rủi ro về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công theo quy định tại Điều này để rà soát, xây dựng danh mục sửa đổi, bổ sung Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, bảo đảm công khai, minh bạch và phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 4. Cơ chế phối hợp và chia sẻ dữ liệu

1. Cập nhật và chia sẻ thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hóa thuộc mức độ rủi ro trung bình và mức độ rủi ro cao (bao gồm kết quả kiểm tra, giám sát, hậu kiểm và cảnh báo vi phạm) lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

2. Cập nhật dữ liệu và chia sẻ dữ liệu trong hệ thống hạ tầng chất lượng quốc gia được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

Điều 5. Truy xuất nguồn gốc

1. Sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương bắt buộc phải thực hiện việc truy xuất nguồn gốc theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đối với các sản phẩm, hàng hóa không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được lựa chọn thực hiện truy xuất nguồn gốc theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

Điều 6. Ghi nhãn hàng hóa

1. Việc ghi nhãn hàng hóa, sử dụng nhãn điện tử và cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hóa thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân áp dụng mã số, mã vạch, mã QR và các giải pháp công nghệ số khác để phục vụ truy xuất nguồn gốc và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Chương II

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Mục 1. BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 7. Bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất trước khi đưa ra thị trường trong nước phải bảo đảm chất lượng theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu trước khi đưa ra thị trường phải bảo đảm chất lượng theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường phải bảo đảm chất lượng theo quy định tại Điều 69 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

4. Sản phẩm, hàng hóa kinh doanh trên nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử phải bảo đảm chất lượng theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

5. Chất lượng sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu phải bảo đảm chất lượng theo Quy định tại Mục 3 Chương III Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 8. Đánh giá an toàn đối với sản phẩm, hàng hóa mới hoặc lần đầu xuất hiện trên thị trường Việt Nam

1. Hồ sơ đánh giá an toàn được quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

2. Hình thức nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân sản xuất khi có nhu cầu đề nghị đơn vị chuyên môn cụ thể thuộc Bộ Công Thương (sau đây viết tắt là Cơ quan chấp thuận) cấp văn bản chấp thuận về an toàn của sản phẩm lập 01 bộ hồ sơ đăng ký đánh giá an toàn, nộp theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, Tổ chức, cá nhân sản xuất nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Thông tư này theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

3. Trình tự, thủ tục

a) Cơ quan chấp thuận tiếp nhận hồ sơ đánh giá an toàn theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, nếu hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan chấp thuận thông báo, yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan chấp thuận quyết định việc thành lập đoàn kiểm tra hoặc cử chuyên gia thực hiện kiểm tra hoặc thử nghiệm bổ sung (nếu cần);

Đoàn kiểm tra bao gồm 01 Trưởng đoàn kiểm tra (đại diện Lãnh đạo Cơ quan chấp thuận), 01 Phó đoàn đánh giá (đại diện Cơ quan chấp thuận), 01 Thư ký (Chuyên viên thuộc Cơ quan chấp thuận) và tối thiểu 01 Chuyên gia (đại diện các đơn vị thuộc Bộ Công Thương hoặc chuyên gia độc lập bên ngoài). Trường hợp vắng mặt Trưởng đoàn kiểm tra, Phó trưởng đoàn kiểm tra được thay thế điều hành các nội dung kiểm tra;

Việc kiểm tra hoặc thử nghiệm bổ sung phải được thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân sản xuất đã nộp hồ sơ đăng ký biết. Kết thúc việc kiểm tra hoặc thử nghiệm bổ sung, chuyên gia hoặc đoàn kiểm tra do Cơ quan chấp thuận thành lập phải ký biên bản kiểm tra theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

Căn cứ kết quả kiểm tra, kết quả thử nghiệm bổ sung (nếu có), đoàn kiểm tra hoặc chuyên gia xây dựng báo cáo đánh giá an toàn đối với sản phẩm, hàng hóa và đề xuất kiến nghị theo Mẫu số 04 kèm theo Thông tư này. Biên bản kiểm tra, báo cáo đánh giá an toàn đối với sản phẩm, hàng hóa, Phiếu kết quả thử nghiệm bổ sung (nếu có) phải được gửi về Cơ quan chấp thuận;

Căn cứ báo cáo đánh giá an toàn đối với sản phẩm, hàng hóa, Cơ quan chấp thuận ban hành văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân sản xuất khắc phục các nội dung chưa phù hợp (nếu có), đồng thời quy định thời gian khắc phục các nội dung chưa phù hợp. Trường hợp các nội dung cần khắc phục phải kéo dài thì tổ chức, cá nhân sản xuất báo cáo với Cơ quan chấp thuận bằng văn bản và nêu rõ thời hạn chính thức hoàn thành việc khắc phục, thời gian phải gửi báo cáo kết quả hành động khắc phục về Cơ quan chấp thuận tối đa không quá 06 tháng;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản kiểm tra; báo cáo đánh giá an toàn, nếu tổ chức, cá nhân sản xuất đáp ứng yêu cầu theo quy định, Cơ quan chấp thuận ban hành văn bản chấp thuận về bảo đảm an toàn đối với con người, động vật, thực vật, tài sản và môi trường của sản phẩm, hàng hóa theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này cho tổ chức, cá nhân sản xuất. Trong trường hợp từ chối việc chấp thuận, Cơ quan chấp thuận phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân sản xuất.

Điều 9. Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý nhà nước

1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp được Bộ Công Thương chỉ định theo quy định tại Thông tư này được tham gia hoạt động thử nghiệm, giám định, chứng nhận, kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng tương ứng với phạm vi được chỉ định đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương theo yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc pháp luật chuyên ngành.

Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 71 và Điều 77 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

2. Điều kiện chỉ định, hồ sơ đăng ký chỉ định, hình thức nộp hồ sơ

a) Điều kiện chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện theo quy định tại Điều 72 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP;

b) Hồ sơ đăng ký chỉ định thực hiện theo quy định tại Điều 73 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP;

c) Hình thức nộp hồ sơ đăng ký chỉ định theo quy định tại Điều 74 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

3. Trình tự thủ tục chỉ định

a) Trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP

Tổ chức đánh giá sự phù hợp khi có nhu cầu đề nghị đơn vị chuyên môn cụ thể thuộc Bộ Công Thương chỉ định (sau đây viết tắt là Cơ quan chỉ định) lập 01 bộ hồ sơ đăng ký chỉ định, nộp theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia;

Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, Tổ chức đánh giá sự phù hợp nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Thông tư này theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Cơ quan chỉ định tiếp nhận hồ sơ đăng ký chỉ định, đánh giá tính đầy đủ của hồ sơ đăng ký chỉ định theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này và thực hiện trình tự, thủ tục chỉ định theo quy định tại điểm a khoản này.

Cơ quan chỉ định quyết định thực hiện đánh giá năng lực thực tế của tổ chức đánh giá sự phù hợp trên cơ sở các tiêu chí về nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng, kết quả hoạt động và việc tuân thủ pháp luật của tổ chức đánh giá sự phù hợp. Việc đánh giá thực tế thông qua việc cử chuyên gia hoặc thành lập đoàn đánh giá.

Tùy thuộc nội dung cần đánh giá thực tế, đoàn đánh giá bao gồm tối thiểu 05 thành viên, trong đó: 01 Trưởng đoàn đánh giá (đại diện Lãnh đạo Cơ quan chỉ định), 01 Phó trưởng đoàn đánh giá (đại diện Cơ quan chỉ định), 01 Thư ký (Chuyên viên thuộc Cơ quan chỉ định) và tối thiểu 02 Chuyên gia (đại diện các đơn vị thuộc Bộ Công Thương hoặc chuyên gia độc lập bên ngoài). Trường hợp vắng mặt Trưởng đoàn đánh giá, Phó trưởng đoàn đánh giá được thay thế điều hành các nội dung đánh giá thực tế. Chuyên gia độc lập bên ngoài phải được đào tạo về hệ thống quản lý chất lượng tương ứng với từng loại hình tổ chức đánh giá sự phù hợp đăng ký chỉ định.

Việc đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp phải được thông báo bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp đã nộp hồ sơ đăng ký biết. Kết thúc việc đánh giá, đoàn đánh giá tiến hành lập Biên bản đánh giá theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

Việc từ chối chỉ định phải được thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Danh sách Tổ chức đánh giá sự phù hợp được Cơ quan chỉ định đăng tải công khai trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và được cập nhật định kỳ trước ngày 25 hàng tháng.

4. Kiểm tra, xử lý vi phạm của tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

5. Thu hồi quyết định chỉ định

a) Trường hợp thu hồi theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền

Căn cứ các vi phạm được quy định tại khoản 1 Điều 76 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP của tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định, Cơ quan chỉ định (đơn vị đã thực hiện cấp quyết định chỉ định) xem xét, quyết định thu hồi quyết định chỉ định;

Trình tự, thủ tục thu hồi quyết định chỉ định thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 76 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP;

Việc xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 76 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

b) Trường hợp thu hồi theo yêu cầu của tổ chức đánh giá sự phù ……..

Việc thu hồi quyết định chỉ định theo yêu cầu của tổ chức đánh giá sự phù …….. (tổ chức tự nguyện rút, không duy trì năng lực sau chu kỳ đánh giá, ...) thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 76 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

c) Việc thu hồi các quyết định chỉ định do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được thực hiện như sau:

Bộ Công Thương thực hiện việc thu hồi Quyết định chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao;

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã cấp quyết định chỉ định thực hiện việc thu hồi Quyết định chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro thấp.

Mục 2. KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VÀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA LƯU THÔNG TRÊN THỊ TRƯỜNG

Điều 10. Quy định về kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Bộ Công Thương là các đơn vị thuộc Bộ (sau đây viết tắt là Cơ quan kiểm tra)

Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa chủ trì thực hiện việc kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Công Thương và trước pháp luật về kết quả kiểm tra, kết luận và quyết định xử lý.

2. Kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa hằng năm

a) Kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa hằng năm được lập và phê duyệt trước ngày 25 tháng 12 năm trước năm thực hiện kế hoạch;

b) Trình tự, thủ tục xây dựng Kế hoạch kiểm tra

Căn cứ phạm vi được phân công quản lý, ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và yêu cầu quản lý nhà nước, Cơ quan kiểm tra gửi đề xuất Kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công để tổng hợp;

Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ về dự thảo Kế hoạch kiểm tra để xem xét, gửi lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong trường hợp cần thiết; tổng hợp ý kiến góp ý, chủ trì, phối hợp với Cơ quan kiểm tra xử lý các ý kiến góp ý (nếu có) và hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trước khi báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét;

Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các thủ tục để đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí thực hiện Kế hoạch kiểm tra. Căn cứ tổng kinh phí được phê duyệt, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và

Khuyến công chủ trì, phối hợp với Cơ quan kiểm tra, hoàn thiện dự thảo Kế hoạch kiểm tra, báo cáo Lãnh đạo Bộ để xem xét phê duyệt;

Sau khi được phê duyệt, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số đăng tải công khai Kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Bộ Công Thương trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và gửi Báo Công Thương để đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ, đồng thời gửi Kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt đến Cơ quan kiểm tra;

Căn cứ Kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt, Cơ quan kiểm tra tổ chức thực hiện kiểm tra theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Kiểm tra đột xuất

a) Kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa đột xuất được xây dựng theo ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, yêu cầu quản lý nhà nước;

b) Căn cứ phạm vi được phân công quản lý, ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và yêu cầu quản lý nhà nước, Cơ quan kiểm tra báo cáo Lãnh đạo Bộ về kiểm tra đột xuất;

Sau khi được phê duyệt, Cơ quan kiểm tra tổ chức thực hiện kiểm tra đột xuất theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Cơ quan kiểm tra gửi báo cáo kết quả kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và khuyến công để tổng hợp, đồng thời thực hiện việc chia sẻ, cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 11. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Đoàn kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Việc thành lập và hoạt động của Đoàn Kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thực hiện theo quy định tại Điều 80 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

2. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất

a) Việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất (sau đây gọi tắt là kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất) thực hiện theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP;

b) Trình tự, thủ tục và xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất thực hiện theo quy định tại Điều 81 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

3. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu

a) Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu (sau đây gọi tắt là kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu) thực hiện theo quy định tại Điều 82 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP;

Trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao thực hiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

b) Việc áp dụng biện pháp kiểm tra tăng cường đối với hàng hóa nhập khẩu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP;

c) Xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao thực hiện theo quy định tại Điều 85 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP;

d) Việc miễn, giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao; không phải thực hiện lại việc công bố hợp quy đối với hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro trung bình thực hiện theo quy định tại Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

4. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và xử lý vi phạm

Việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 87 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

5. Kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường

a) Việc kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường thực hiện theo quy định tại Điều 88 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP;

b) Trình tự, thủ tục kiểm tra và xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường được quy định tại Điều 89 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP;

c) Việc lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính (đối với trường hợp có vi phạm hành chính), xử lý kết quả kiểm tra theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 56/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quy trình kiểm tra chuyên ngành Công Thương và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 12. Khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường

1. Cơ quan thực hiện khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Bộ Công Thương là các đơn vị thuộc Bộ (sau đây viết tắt là Cơ quan khảo sát);

Cơ quan khảo sát được thành lập Đoàn khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Thành phần, nội dung, kinh phí thực hiện của Đoàn khảo sát thực hiện theo quy định tại Điều 92 Nghị định 37/2026/NĐ-CP.

2. Nội dung hoạt động khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

3. Kế hoạch khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa hằng năm

a) Kế hoạch khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa hằng năm được lập và phê duyệt độc lập hoặc lồng ghép trong công tác quản lý;

b) Trình tự, thủ tục xây dựng Kế hoạch khảo sát

Căn cứ phạm vi được phân công quản lý, ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và yêu cầu quản lý nhà nước, Cơ quan khảo sát gửi đề xuất Kế hoạch khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa hằng năm theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công để tổng hợp;

Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ về dự thảo Kế hoạch khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa hằng năm;

Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các thủ tục để đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí thực hiện Kế hoạch khảo sát. Căn cứ tổng kinh phí được phê duyệt, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chủ trì, phối hợp với Cơ quan khảo sát, hoàn thiện dự thảo Kế hoạch khảo sát, báo cáo Lãnh đạo Bộ để xem xét phê duyệt;

Sau khi được phê duyệt, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công gửi Kế hoạch khảo sát đã được phê duyệt đến Cơ quan khảo sát. Căn cứ Kế hoạch khảo sát đã được phê duyệt, Cơ quan khảo sát tổ chức thực hiện Kế hoạch khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa hằng năm.

4. Khảo sát đột xuất được xây dựng theo yêu cầu thực tiễn khi có dấu hiệu không bảo đảm chất lượng, phát sinh rủi ro hoặc theo yêu cầu quản lý;

Căn cứ phạm vi được phân công quản lý, ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và yêu cầu quản lý nhà nước, Cơ quan khảo sát báo cáo Lãnh đạo Bộ về khảo sát đột xuất;

Sau khi được phê duyệt, Cơ quan khảo sát tổ chức thực hiện khảo sát đột xuất theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Cơ quan khảo sát gửi báo cáo kết quả khảo sát theo Kế hoạch khảo sát, khảo sát đột xuất, đề xuất kiến nghị xử lý về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và khuyến công để tổng hợp, đồng thời thực hiện việc chia sẻ, cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, Bộ Công Thương

1. Đầu mối của Bộ Công Thương chủ trì thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

2. Đầu mối của Bộ Công Thương chủ trì hướng dẫn và phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ xây dựng Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

3. Đầu mối của Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ xây dựng kế hoạch kiểm tra, kế hoạch khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

4. Phối hợp với các đơn vị thực hiện kế hoạch kiểm tra, kế hoạch khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Chủ trì thực hiện các nội dung quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa quy định tại Điều 2 Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi được phân công quản lý.

6. Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Điều 14. Trách nhiệm của Cục Thương mại điện tử và kinh tế số

1. Đầu mối của Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 94 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Đầu mối của Bộ Công Thương chủ trì việc kết nối, đảm bảo hoạt động của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo phân cấp, phân quyền.

3. Phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công trong việc hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ sử dụng và cập nhật, chia sẻ các dữ liệu theo quy định.

4. Chủ trì thực hiện các nội dung quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định tại Điều 2 Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi được phân công quản lý.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Điều 15. Trách nhiệm của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước

1. Đầu mối của Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan quản lý, tổ chức triển khai thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý nhà

nước của Bộ Công Thương bảo đảm kết nối với Cổng Thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

2. Đầu mối của Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công trong việc hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ thực hiện quản lý hồ sơ số của sản phẩm; thực hiện kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

3. Chủ trì thực hiện các nội dung quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định tại Điều 2 Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi được phân công quản lý.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Điều 16. Trách nhiệm của các đơn vị khác thuộc Bộ

1. Chủ trì thực hiện các nội dung quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định tại Điều 2 Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi được phân công quản lý.

2. Cung cấp thông tin, cập nhật kịp thời dữ liệu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc thuộc phạm vi được phân công quản lý lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo quy định.

3. Phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công trong việc triển khai thực hiện quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Tiếp nhận và xử lý thông tin cảnh báo từ các nước về sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi được phân công quản lý không đáp ứng yêu cầu về chất lượng và các quy định có liên quan.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Điều 17. Quy định chuyển tiếp

1. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được các Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp Quyết định chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý nhà nước trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp cho đến hết thời hạn hiệu lực của Quyết định chỉ định.

2. Đối với đơn, hồ sơ đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp đã được cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày 30 tháng 6 năm 2026 nhưng chưa được giải quyết xong thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận đơn, hồ sơ.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Các Thông tư dưới đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 46/2015/TT-BCT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

b) Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

c) Điều 10 Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Công Thương (qua Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công) để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Sinh Nhật Tân

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo, Website Chính phủ, Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, ĐCK.

PHỤ LỤC

CÁC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2026/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mẫu số 01	Đăng ký đánh giá an toàn sản phẩm, hàng hóa
Mẫu số 02	Phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký đánh giá an toàn sản phẩm, hàng hóa

Mẫu số 03	Biên bản kiểm tra đánh giá an toàn đối với sản phẩm mới hoặc lần đầu xuất hiện trên thị trường Việt Nam
Mẫu số 04	Báo cáo đánh giá an toàn đối với sản phẩm mới hoặc lần đầu xuất hiện trên thị trường Việt Nam
Mẫu số 05	Thông báo Chấp thuận về an toàn của sản phẩm, hàng hóa
Mẫu số 06	Phiếu Đánh giá Hồ sơ đăng ký chỉ định
Mẫu số 07	Biên bản đánh giá tổ chức đánh giá sự phù hợp
Mẫu số 08	Thông báo về việc từ chối chỉ định
Mẫu số 09	Kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa
Mẫu số 10	Kế hoạch khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Mẫu số 01

ĐĂNG KÝ ĐÁNH GIÁ AN TOÀN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2026/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ ĐÁNH GIÁ AN TOÀN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Kính gửi: ..... *(tên Cơ quan chấp thuận)*[1], Bộ Công Thương

Tổ chức, cá nhân sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Đăng ký đánh giá an toàn sản phẩm, hàng hóa sau:

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật[2]	Xuất xứ	Nhà sản xuất	Ghi chú
1					
2					

Hồ sơ kèm theo gồm:

.....

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung đã khai báo nêu trên.

....., ngày ... tháng.....năm 20.....
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SẢN XUẤT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

---

[1] Đơn vị thuộc Bộ Công Thương được giao nhiệm vụ đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi được phân công quản lý. Cục Hóa chất: hóa chất, sản phẩm chứa hóa chất (sơn, dệt may, đèn huỳnh quang), tiền chất thuốc nổ; Cục Kỹ thuật, An toàn và Môi trường công nghiệp: thuốc nổ công nghiệp, phụ kiện nổ công nghiệp, máy, thiết bị công nghiệp, vật tư; Cục Công nghiệp: Khăn giấy và giấy vệ sinh, ...

[2] Đặc tính kỹ thuật mới, chưa được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa lần đầu tiên xuất hiện trên thị trường Việt Nam thì ghi tất cả các đặc tính kỹ thuật của sản phẩm, hàng hóa.

Mẫu số 02

PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ ĐÁNH GIÁ AN TOÀN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2026/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(BỘ CÔNG THƯƠNG) **TÊN CƠ QUAN TIẾP NHẬN** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ..../(CQKT)	*……., ngày ... tháng ... năm 20…*

PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ

ĐĂNG KÝ ĐÁNH GIÁ AN TOÀN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

STT	Hạng mục kiểm tra	Có/Không		Ghi chú
		Có	Không	
1	Mô tả kỹ thuật của sản phẩm, bao gồm đặc tính mới, tính năng, cấu tạo, phạm vi sử dụng	□	□	
2	Phân tích nguy cơ và đánh giá rủi ro theo phương pháp quy định tại Nghị định này;	□	□	
3	Kết quả thử nghiệm an toàn đối với các chỉ tiêu liên quan, do tổ chức thử nghiệm được chỉ định hoặc được công nhận thực hiện	□	□	
4	Tài liệu chứng minh đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn cơ sở (nếu có)	□	□	
5	Tài liệu về quy trình sản xuất, kiểm soát chất lượng	□	□	
6	Tài liệu cảnh báo, sự cố, kết quả đánh giá tại nước ngoài (nếu có)	□	□	
7	Các tài liệu khác phù hợp với đặc thù sản phẩm	□	□	

KẾT LUẬN

□ Hồ sơ đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.

□ Hồ sơ không đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các mục: Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định.

NGƯỜI KIỂM TRA HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03

BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ AN TOÀN ĐỐI VỚI SẢN PHẨM MỚI HOẶC LẦN ĐẦU XUẤT HIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2026/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(CƠ QUAN CHẤP THUẬN)
ĐOÀN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

ĐÁNH GIÁ AN TOÀN ĐỐI VỚI SẢN PHẨM MỚI HOẶC LẦN ĐẦU XUẤT HIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

Phần I. Thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ: Đánh giá an toàn đối với sản phẩm, hàng hóa mới hoặc lần đầu xuất hiện trên thị trường Việt Nam thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

2. Căn cứ pháp lý

- Thông tư số .../2026/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương

- Quyết định số .../QĐ-BCT ngày .... tháng ... năm 20.... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thành lập Đoàn kiểm tra ....

3. Tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm tra:

- Tên tổ chức, cá nhân: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax: .....Email: .....

4. Thời gian và địa điểm kiểm tra:

- Thời gian: ngày ..... tháng ..... năm .....

- Địa điểm: .....

5. Thành phần Đoàn kiểm tra:

TT	Họ và tên	Chức danh	Chuyên môn
1		Trưởng đoàn	
2		Phó trưởng đoàn	
3		Thành viên	

4		Thư ký	

* Vắng: ...

6. Thành phần Tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm tra

TT	Họ và tên	Chức danh
1		
2		
...		

Phần II: Nội dung làm việc

1. Nội dung làm việc của Đoàn kiểm tra

- Thư ký đoàn đánh giá đọc Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra.

- Trưởng đoàn kiểm tra điều hành, thông qua chương trình và phương pháp làm việc.

- Đại diện Tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm tra giới thiệu về thành phần tham gia và thông tin cơ bản của sản phẩm, hàng hóa mới hoặc lần đầu xuất hiện trên thị trường Việt Nam đề nghị xem xét đánh giá an toàn của sản phẩm

Các sản phẩm hàng hóa đề nghị xem xét đánh giá an toàn:

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản
1		
2		
3		

2. Đoàn đã kiểm tra các nội dung sau:

2.1 Thành phần Hồ sơ đăng ký

- Các thành viên Đoàn kiểm tra đánh giá về thành phần Hồ sơ đăng ký

- Kết luận: Đạt □ Không đạt □ Bổ sung □

Các vấn đề cần bổ sung hoặc lý do không đạt:

.....

.....

2.2. Nội dung của các tài liệu trong Hồ sơ đăng ký

- Các thành viên Đoàn kiểm tra đánh giá về tính rõ ràng, khoa học của các tài liệu trong hồ sơ

- Kết luận: Đạt □ Không đạt □ Bổ sung □

Các vấn đề cần bổ sung hoặc lý do không đạt:

.....

.....

.....

Phần III: Kết luận chung

(Quy định cụ thể việc lấy mẫu thử nghiệm bổ sung: Lấy mẫu/ không lấy mẫu)

Biên bản này được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện đơn vị được kiểm tra *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*	**Trưởng đoàn kiểm tra** *(Ký và ghi rõ họ, tên)*

Các thành viên trong đoàn kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Mẫu số 04

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ AN TOÀN ĐỐI VỚI SẢN PHẨM, HÀNG HÓA MỚI/ HOẶC LẦN ĐẦU XUẤT HIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2026/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(CƠ QUAN CHẤP THUẬN) **ĐOÀN KIỂM TRA** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ AN TOÀN ĐỐI VỚI SẢN PHẨM, HÀNG HÓA MỚI/ HOẶC LẦN ĐẦU XUẤT HIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

Phần I. Thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ: Báo cáo kết quả đánh giá an toàn đối với sản phẩm, hàng hóa mới hoặc lần đầu xuất hiện trên thị trường Việt Nam thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

2. Căn cứ pháp lý

- Biên bản Đánh giá an toàn đối với sản phẩm, hàng hóa mới/ hoặc lần đầu xuất hiện trên thị trường Việt Nam ngày tháng năm tại ...*(tên Tổ chức, cá nhân đề nghị đánh giá)*

- Phiếu kết quả thử nghiệm bổ sung (nếu có)

Phần II. Nội dung báo cáo

1. Tổng quan về sản phẩm, hàng hóa đánh giá

2. Kết quả đánh giá đối với hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị đánh giá

3. Kết quả thử nghiệm bổ sung (nếu có)

4. Kết luận về an toàn của sản phẩm, hàng hóa đối với con người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường

Phần III. Đề xuất, kiến nghị

1. Đề nghị ....*(cơ quan kết luận)* ban hành/ không ban hành thông báo chấp thuận về an toàn đối với ..... *(tên sản phẩm, hàng hóa).*

2. Đề xuất thời gian để tổ chức, cá nhân đề nghị đánh giá thực hiện khắc phục (nếu có) (thời gian khắc phục không quá 06 tháng)

Trưởng đoàn kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Các thành viên trong đoàn kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Mẫu số 05

THÔNG BÁO

Chấp thuận về an toàn của sản phẩm, hàng hóa

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2026/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(BỘ CÔNG THƯƠNG) **CƠ QUAN CHẤP THUẬN** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ...../TB-.....	*....., ngày ... tháng ... năm 20...*

THÔNG BÁO

Chấp thuận về an toàn của sản phẩm, hàng hóa

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Nhà sản xuất	Ghi chú
1					
2					

- Tổ chức, cá nhân đăng ký đánh giá an toàn sản phẩm, hàng hóa: .....

- Giấy đăng ký đánh giá an toàn sản phẩm, hàng hóa số....:.... ngày ... tháng ... năm 20....

KẾT QUẢ

Ghi một trong các nội dung:

Sản phẩm, hàng hóa (số thứ tự tại bảng trên) bảo đảm an toàn đối với con người, động vật, thực vật, tài sản và môi trường.

Hoặc Không bảo đảm an toàn đối với con người, động vật, thực vật, tài sản và môi trường (trường hợp này thì nêu lý do và các yêu cầu khác nếu có)

Hoặc sản phẩm, hàng hóa không được (tên Tổ chức, cá nhân đăng ký đánh giá an toàn) hoàn thiện đầy đủ hồ sơ

Nơi nhận:
- Tổ chức, cá nhân sản xuất;
- Lưu: VT, (Viết tắt tên CQKT).

CƠ QUAN CHẤP THUẬN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 06

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2026/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

BỘ CÔNG THƯƠNG
CƠ QUAN CHỈ ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCT-KHCN
V/v thông báo về sự không phù hợp của hồ sơ đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp

Hà Nội, ngày .... tháng .... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH

1. Tên đơn vị đăng ký: .....

2. Thời gian nhận hồ sơ: .... tháng .... năm 20.... (Số Công văn đến ...)

3. Số lượng tài liệu: 01 bộ

4. Căn cứ đánh giá hồ sơ:

- Thông tư số .../.. ./TT-BCT[1];

- ..... [2].

5. Hình thức cấp

Cấp mới: □ Cấp bổ sung, sửa đổi: □ Cấp lại: □

6. Nội dung đánh giá

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu/ Số công văn	Số lượng	Đánh giá tính phù hợp của hồ sơ

1	***Đơn đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp***			
2	***Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực***			
3	***Danh sách các nhân sự***			
4	***Danh mục tài liệu phục vụ đánh giá sự phù hợp***			
5	***Danh sách máy móc thiết bị***			
6	***Chứng chỉ công nhận năng lực***			

Sự phù hợp của hồ sơ: Phù hợp □ Chưa phù hợp □

- Nội dung hồ sơ: Hồ sơ xin chỉ định hoạt động chứng nhận/ giám định/ thử nghiệm/ kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng đối với các sản phẩm

- Kết luận: Hồ sơ phù hợp/chưa phù hợp theo quy định tại Thông tư số .../2019/TT-BCT.

Các nội dung chưa phù hợp bao gồm: Mục .....

---

[1] Thông tư này

[2] Văn bản quy phạm pháp luật liên quan; QCVN; TCVN đối với sản phẩm, hàng hóa cụ thể.

Mẫu số 07

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2026/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(CƠ QUAN CHỈ ĐỊNH)
ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ... tháng ... năm 20…

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Phần I. Thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ: Đánh giá năng lực của Tổ chức tham gia hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với các sản phẩm hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

2. Căn cứ pháp lý

- Thông tư số .../2026/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương[3];

- Thông tư số ..../2026/TT-BCT ngày .... tháng …… năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa

- Quyết định số .../QĐ-BCT ngày .... tháng ... năm 20.... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thành lập Đoàn đánh giá năng lực của .. .[4].

3. Tổ chức tham gia hoạt động đánh giá sự phù hợp:

- Tên tổ chức: ..... [5]

- Địa chỉ: ..... [6]

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

4. Thời gian và địa điểm:

- Thời gian: ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

- Địa điểm: ..... [7]

5. Lĩnh vực đăng ký:

Thử nghiệm □ Giám định □

Chứng nhận □ Kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng □

6. Hình thức đánh giá:

Đánh giá lần đầu □ Đánh giá lại □ Đánh giá mở rộng □

7. Thành phần Đoàn đánh giá:

TT	Họ và tên	Chức danh	Chuyên môn
1		Trưởng đoàn	
2		Phó trưởng đoàn	
3		Thành viên	
4		Thành viên	
5		Thư ký	

* Vắng: ...

8. Thành phần Tổ chức đánh giá sự phù hợp

TT	Họ và tên	Chức danh
1		
2		
3		
4		

Phần II: Nội dung làm việc

1. Nội dung làm việc của Đoàn đánh giá

- Thư ký đoàn đánh giá đọc Quyết định thành lập Đoàn đánh giá năng lực thực tế của ...

- Trưởng đoàn đánh giá năng lực thực tế điều hành, thông qua chương trình và phương pháp làm việc.

- Đại diện Tổ chức đánh giá sự phù hợp giới thiệu về thành phần tham gia và năng lực của tổ chức.

Các sản phẩm hàng hóa thực hiện sau:

TT	Tên sản phẩm	Quy chuẩn kỹ thuật	Đăng ký thực hiện
1			□

2. Đoàn đã đánh giá các nội dung sau:

2.1 Hồ sơ đăng ký

- Các thành viên Đoàn đánh giá Hồ sơ đăng ký được tổng hợp tại Danh mục kèm theo Biên bản này.

- Kết luận: Đạt □ Không đạt □ Bổ sung □

Các vấn đề cần bổ sung hoặc lý do không đạt:

.....

.....

2.2. Sự tuân thủ quy định pháp luật của tổ chức trong lĩnh vực đăng ký chỉ định

Đại diện Tổ chức đánh giá sự phù hợp báo cáo về tình hình tuân thủ hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với các sản phẩm hàng hóa đăng ký tại thời điểm đánh giá năng lực theo các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Đoàn đánh giá năng lực tiến hành xem xét hồ sơ đã thực hiện liên quan đến sản phẩm hàng hóa đã đăng ký (số lượng hồ sơ, quy trình thực hiện, kết quả thực hiện, ...)

- Kết luận: Đạt □ Không đạt □ Bổ sung □

Các vấn đề cần bổ sung hoặc lý do không đạt:

.....

.....

.....

2.3 Quy trình thực hiện

- Các quy trình đánh giá được tổng hợp tại Danh mục kèm theo Biên bản này;

- Kết luận: Đạt □ Không đạt □ Bổ sung □

Các vấn đề cần bổ sung hoặc lý do không đạt:

.....

.....

.....

2.3. Nhân lực

2.3.1 Kiểm tra hồ sơ

- Số nhân lực: ...

- Tiến hành kiểm tra hồ sơ các nhân lực tham gia việc đánh giá sự phù hợp bao gồm các tiêu chí: Chuyên môn, Nhiệm vụ được giao, Thời gian làm việc.

* Kết luận phần hồ sơ: Đạt □ Không đạt □ Bổ sung □

2.3.2 Kiểm tra thực tế

Kiểm tra ngẫu nhiên năng lực nhân viên trong hồ sơ để kiểm tra, đánh giá thực tế năng lực của nhân lực tham gia thực hiện đánh giá sự phù hợp:

TT	Tên nhân viên	Nhiệm vụ được giao	Nội dung đánh giá	Đánh giá

* Kết luận về kiểm tra thực tế: Đạt □ Không đạt □

2.3.3 Kết luận chung về nhân lực

- Kết luận phần nhân lực: Đạt □ Không đạt □ Bổ sung □

Các vấn đề cần bổ sung hoặc lý do không đạt:

Tổng hợp chung về nhân lực tại Danh mục kèm theo Biên bản này.

2.4. Thiết bị

- Số lượng các thiết bị: ...

- Tình trạng hoạt động, kiểm định: ...

Tổng hợp chung về thiết bị tại Danh mục kèm theo Biên bản này.

Danh mục tài liệu, quy trình, thiết bị và nhân lực của tổ chức đánh giá sự phù hợp được liệt kê trong Danh mục kèm theo (xem Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019).

Phần III: Kết luận chung

.....

Biên bản này được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện đơn vị được đánh giá *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*	**Trưởng đoàn đánh giá** *(Ký và ghi rõ họ, tên)*

Các thành viên trong đoàn đánh giá

---

[3] Thông tư này

[4] Quyết định thành lập đoàn đánh giá năng lực

[5] Tên tổ chức đăng ký chỉ định

[6] Địa chỉ theo đăng ký kinh doanh

[7] Địa chỉ thực tế đánh giá

DANH MỤC TÀI LIỆU, QUY TRÌNH, THIẾT BỊ VÀ NHÂN LỰC CỦA TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP

(Kèm theo Biên bản đánh giá)

1. Hồ sơ đăng ký

TT	Tên tài liệu	Số lượng	Mã số tài liệu
1	Giấy đăng ký chỉ định		
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực		
3	Chứng chỉ công nhận năng lực		
4	Danh sách nhân sự		

5	Biểu mẫu kết quả		
6	Sổ tay hồ sơ chất lượng		

2. Quy trình thực hiện (Chứng nhận/ Giám định/ Thử nghiệm/kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng)

TT	Tên sản phẩm hàng hóa	Số lượng	Tên các quy trình thực hiện tương ứng
1	Lĩnh vực Chứng nhận		
2	Lĩnh vực Giám định		
3	Lĩnh vực Thử nghiệm		
4	Lĩnh vực kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng		

3. Hồ sơ nhân lực

a) Hoạt động chứng nhận/ Giám định

TT	Danh sách nhân lực	Chuyên môn	Nhiệm vụ được giao	Kinh nghiệm đánh giá
1				

b) Hoạt động thử nghiệm/kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng

TT	Danh sách nhân lực	Chuyên môn	Hệ thống quản lý được đào tạo	Kinh nghiệm công tác	Loại HĐ đã ký
1					

4. Danh sách thiết bị

STT	Tên phương tiện	Thông số kỹ thuật	Tình trạng hiệu chuẩn/kiểm định	Thời hạn hiệu chuẩn	Mã số chế tạo thiết bị	Tình trạng thiết bị

Mẫu số 08

THÔNG BÁO VỀ VIỆC TỪ CHỐI CHỈ ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2026/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

BỘ CÔNG THƯƠNG **CƠ QUAN CHỈ ĐỊNH** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: /BCT-KHCN V/v thông báo về sự không phù hợp của hồ sơ đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20…*

Kính gửi: ..... (Tổ chức ĐGSPH đăng ký chỉ định).

Ngày ... tháng ... năm 20.. *(tên Cơ quan chỉ định)*[1], Bộ Công Thương nhận được Đơn đăng ký chỉ định hoạt động chứng nhận/giám định/thử nghiệm/kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng[2] đối với *(tên sản phẩm, hàng hóa).* Sau khi thực hiện trình tự giải quyết thủ tục theo quy định tại Thông tư số /TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương[3], *(tên Cơ quan chỉ định[1])* từ chối việc chỉ định *(tên Tổ chức đánh giá sự phù hợp đăng ký chỉ định)* tham gia hoạt động chứng nhận/giám định/thử nghiệm/ kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng[2] đối với *(tên sản phẩm, hàng hóa).*

Lý do từ chối: .....

Nơi nhận: - Như trên; - Lãnh đạo Bộ (để b/c); - Lưu: VT, KHCN.	**CƠ QUAN CHỈ ĐỊNH** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

---

[1] Đơn vị thuộc Bộ Công Thương được giao nhiệm vụ đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi được phân công quản lý. Cục Hóa chất: hóa chất, sản phẩm chứa hóa chất (sơn, dệt may, đèn huỳnh quang), tiền chất thuốc nổ; Cục Kỹ thuật, An toàn và Môi trường công nghiệp: thuốc nổ công nghiệp, phụ kiện nổ công nghiệp, máy, thiết bị công nghiệp, vật tư; Cục Công nghiệp: Khăn giấy và giấy vệ sinh, ...

[2] Đăng ký chỉ định hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ đăng ký hoạt động chứng nhận thì ghi: Đơn đăng ký chỉ định hoạt động chứng nhận.)

Mẫu số 09

KẾ HOẠCH KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2026/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(BỘ CÔNG THƯƠNG)
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ... tháng ... năm 20…

KẾ HOẠCH KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

(NĂM....)

I. PHẦN THUYẾT MINH:

1. Căn cứ pháp lý

2. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

3. Tài liệu làm căn cứ xây dựng

II. BẢNG TỔNG HỢP

TT	Sản phẩm, hàng hóa	Phân loại rủi ro	Cơ quan, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)			Ghi chú
						Tổng số	NSNN	Nguồn khác	
1	**Sản xuất trong nước**								
1.1	Sản phẩm A								
1.2									
....									
2	**Nhập khẩu**								
2.1									
2.2									
....									

3	**Xuất khẩu bị trả về**								
3.1									
3.2									
...									
4	**Lưu thông trên thị trường**								
4.1									
4.2									
...									

Mẫu số 10

KẾ HOẠCH KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2026/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(BỘ CÔNG THƯƠNG) **TÊN ĐƠN VỊ** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

……., ngày ... tháng ... năm 20…

KẾ HOẠCH KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

(NĂM....)

I. PHẦN THUYẾT MINH:

1. Căn cứ pháp lý

2. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

3. Tài liệu làm căn cứ xây dựng

II. BẢNG TỔNG HỢP

TT	Sản phẩm, hàng hóa	Địa điểm khảo sát	Cơ quan, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)			Ghi chú
						Tổng số	NSNN	Nguồn khác	
1	**Lĩnh vực 1**								
1.1	Sản phẩm A								
1.2	Sản phẩm B								
....									
2	**Lĩnh vực 2**								
2.1	Sản phẩm A								
2.2	Sản phẩm B								
....									